

Số: 289 /QĐ-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 10 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 184/2002/QĐ-TTg ngày 25/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 372/NQ-HĐT-ĐHYDCT ngày 27/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2022.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng Phòng Hành chính tổng hợp, Trưởng các khoa và bộ môn, Trưởng các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, PSDH.



Nguyễn Trung Kiên

QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-ĐHYDCT ngày 20 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này điều chỉnh các nội dung về công tác tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền của các cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án và tổ chức đánh giá luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng đối với nghiên cứu sinh, giảng viên, Bộ môn, Khoa, Phòng chức năng, Trung tâm và các tổ chức, cá nhân tham gia quá trình tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Quy định này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình ở trình độ tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

4. Quy định này là căn cứ để Trường Đại học Y Dược Cần Thơ xây dựng và ban hành các quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ áp dụng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (sau đây gọi là quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ do Trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ/bác sĩ nội trú/bác sĩ chuyên khoa cấp II và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ.

chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và Quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Hiệu trưởng Trường đại học Y Dược Cần Thơ xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung bằng quyết định giao cho nghiên cứu sinh;

b) Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, bằng bác sĩ nội trú, bằng chuyên khoa cấp II: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo nghiên cứu khoa học;

b) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

d) Chương trình đào tạo được các đơn vị chuyên môn (Khoa/Bộ môn) xây dựng theo yêu cầu khoản 3, 4 của Điều này, Phòng Đào tạo Sau đại học xem xét, điều chỉnh cho phù hợp, sau đó trình cho Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá

trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đối với nghiên cứu sinh (NCS) đã có bằng thạc sĩ/bác sĩ nội trú/chuyên khoa cấp II và 04 năm (48 tháng) đối với nghiên cứu sinh từ trình độ đại học, bảo đảm phần lớn nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian này; mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (theo mẫu tại Phụ lục I).

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng tập trung học tập, nghiên cứu liên tục tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch học tập đã được phê duyệt trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở

lên kể từ ngày có quyết định công nhận và cấp bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường Đại học Y Dược Cần Thơ theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định

tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, hoặc có bằng thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương quy định tại Phụ lục II của Quy chế này.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Đối với các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh, người dự tuyển phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp trước khi thực hiện đề tài.

5. Quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ quy định chi tiết yêu cầu về trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực ngoại ngữ, kinh nghiệm công tác và những yêu cầu khác đối với người dự tuyển tùy theo đặc điểm của từng lĩnh vực, ngành đào tạo và chương trình đào tạo cụ thể của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trên cơ sở những yêu cầu tối thiểu quy định tại Điều này.

Điều 8. Tuyển sinh

1. Việc tuyển sinh được tổ chức 01-02 lần trong năm.

2. Phương thức tuyển sinh là xét tuyển hồ sơ và đánh giá đề cương nghiên cứu khoa học.

3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (địa chỉ: www.ctump.edu.vn) và phương tiện thông tin đại chúng ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm:

+ Những thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp;

+ Chỉ tiêu tuyển sinh cho từng chuyên ngành đào tạo do Hiệu trưởng quyết định căn cứ tổng chỉ tiêu tuyển sinh của trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo phân giao;

+ Hồ sơ dự tuyển;

+ Kế hoạch và phương thức tuyển sinh;

+ Thời gian xét tuyển và công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

4. Nội dung thông báo tuyển sinh do Hiệu trưởng chịu trách nhiệm và phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

5. Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đồng thời thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và giám sát nội bộ theo quy định hiện hành.

6. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh có những thông tin bao gồm: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

Điều 9. Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng Trường đại học Y Dược Cần Thơ ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

b) Ủy viên thường trực: Trưởng Phòng hoặc Phó trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học phụ trách công tác đào tạo nghiên cứu sinh;

c) Các ủy viên: Trưởng Khoa, Bộ môn của các chuyên ngành có ứng viên đăng ký dự tuyển.

d) Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy định này;

b) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy định này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được ứng viên có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài

nghiên cứu theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của trường.

Điều 10. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

a) Nhận và xử lý hồ sơ của ứng viên đủ điều kiện dự tuyển;

b) Lập danh sách trích ngang của các ứng viên đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới đơn vị chuyên môn;

c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của hội đồng chấm đề cương nghiên cứu, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các ứng viên dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 11. Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học/ phối hợp Trưởng đơn vị chuyên môn đề xuất hội đồng chấm đề cương dự tuyển của nghiên cứu sinh trình Hiệu trưởng quyết định.

2. Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của ứng viên, là thành viên của khoa/Bộ môn chuyên môn, cán bộ khoa học, giảng viên thuộc Trường hoặc ngoài trường do Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu ứng viên trúng tuyển.

3. Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của ứng viên, xếp loại ứng viên dự tuyển theo mức thang điểm đánh giá, gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 12. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp đánh giá phân loại ứng viên thông qua hồ sơ dự tuyển NCS, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II, chuyên khoa cấp I; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ ứng viên trong 02 thư giới thiệu để quyết định ứng viên được dự tuyển hay không được dự tuyển.

2. Ứng viên dự tuyển trình bày vấn đề dự định nghiên cứu theo hướng đề cương

nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước hội đồng chấm đề cương nghiên cứu. Hội đồng chấm điểm theo thang điểm đánh giá của Trường. Vấn đề dự định nghiên cứu của ứng viên phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà Khoa/Bộ môn chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên của hội đồng đặt các câu hỏi để đánh giá ứng viên về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng nghiên cứu, các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một NCS.

3. Các thành viên của hội đồng chấm đề cương nghiên cứu chấm điểm độc lập, điểm của thí sinh là điểm trung bình cộng điểm của tất cả thành viên hội đồng. Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm tổng hợp điểm hồ sơ, điểm trình bày nghiên cứu, kết quả báo cáo đề cương luận án tiến sĩ, kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng Tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Hiệu trưởng quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các ứng viên, trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách công nhận trúng tuyển.

Điều 13. Triệu tập thí sinh trúng tuyển và công nhận nghiên cứu sinh

1. Căn cứ danh sách ứng viên được tuyển chọn đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Đào tạo Sau đại học công khai kết quả tuyển chọn và danh sách trúng tuyển trên trang web của Trường, trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận trúng tuyển và gửi giấy gọi nhập học đến các ứng viên được tuyển chọn.

2. Thời gian hoàn thành thủ tục nhập học: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định công nhận trúng tuyển, ứng viên phải hoàn thành hồ sơ nhập học và đóng học phí. NCS nào không hoàn thành hồ sơ nhập học và đóng học phí sẽ bị xóa tên.

3. Tổ chức xét duyệt chương trình đào tạo: trong vòng 03 tháng kể từ ngày ra quyết định công nhận trúng tuyển NCS, phòng Đào tạo Sau đại học sẽ tổ chức xét duyệt chương trình đào tạo của NCS. Thành phần Hội đồng duyệt gồm: Ban giám hiệu, phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa/Bộ môn quản lý NCS.

4. Sau khi ứng viên hoàn thành các thủ tục đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn, chương trình đào tạo và thời gian đào tạo của NCS.

5. NCS phải lập kế hoạch học tập theo mẫu (phụ lục) trong thời hạn 01 tháng có chữ ký của Khoa/Bộ môn, người hướng dẫn và NCS gửi về Phòng Đào tạo Sau đại học

để phối hợp theo dõi.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC, QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 14. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan, có kỹ năng nghiên cứu độc lập, khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề độc lập về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn. Nội dung chương trình nhằm giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao những kiến thức cơ bản; hỗ trợ NCS tự học các kiến thức nền tảng về lý luận và kiến thức có tính ứng dụng của ngành/chuyên ngành học; hỗ trợ NCS tự rèn luyện phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu của mình.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học đã được phân công; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm 03 phần:

a) Phần 1: các học phần bổ sung (theo Điều 15 của quy định này);

b) Phần 2: các học phần ở trình độ tiến sĩ, 02 chuyên đề tiến sĩ và 01 tiểu luận tổng quan;

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

4. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài cơ sở đảm bảo theo quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

5. Các Trường liên kết đào tạo được thỏa thuận để tổ chức giảng dạy những học phần học chung và công nhận kết quả học tập lẫn nhau.

6. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần được thực hiện theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

7. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo.

Điều 15. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh. Được thực hiện cho các đối tượng sau:

1. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ/bác sĩ nội trú/chuyên khoa cấp II nhưng ở chuyên ngành gần hoặc đúng chuyên ngành tốt nghiệp với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ nhưng tốt nghiệp quá 5 năm (60 tháng) tính từ ngày ký trên văn bằng hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo khác cấp: trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, nhà trường yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu. Với những học phần có nội dung trùng hoặc gần trùng với học phần tương ứng trong chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh có thể đăng ký học cùng với các học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng chuyên ngành.

2. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng theo chương trình đào tạo thạc sĩ của Nhà trường và được học trong 02 (hai) năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, trường có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học cho từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở đề nghị của Khoa/Bộ môn chuyên môn và Phòng Đào tạo Sau đại học.

4. Hiệu trưởng quyết định các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung, khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Kinh phí cho các học phần bổ sung do nghiên cứu sinh tự chi trả.

Điều 16. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, kỹ năng thực hành tay nghề chuyên môn, phương pháp luận nghiên cứu khoa học và khả năng ứng dụng các kết quả nghiên cứu quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần có khối lượng 2-3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3-4 học phần với khối lượng 10 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm nhóm học phần bắt buộc và nhóm học phần tự chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến

những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

3. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 02 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ.

4. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Đây chính là nội dung cơ bản của phần tổng quan trong luận án chính của nghiên cứu sinh.

5. Hiệu trưởng quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh.

Điều 17. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình đào tạo tiến sĩ. Tùy theo lĩnh vực nghiên cứu, hướng nghiên cứu của đề tài để đặt ra các yêu cầu khác nhau cho việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu phương pháp luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó nghiên cứu sinh đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết nên luận án tiến sĩ.

2. Hoạt động nghiên cứu phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của đề tài mà Khoa/Bộ môn chuyên môn và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Nghiên cứu sinh phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của các kết quả nghiên cứu được nêu trong luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian đó thì nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu để đảm bảo

chất lượng luận án. Trong trường hợp này, nghiên cứu sinh phải có đơn đề nghị có xác nhận của người hướng dẫn khoa học và khoa/Bộ môn chuyên môn phụ trách. Trong đơn cần nêu rõ kế hoạch cụ thể để đảm bảo hoàn thành các nội dung nghiên cứu trong thời gian kéo dài. Các chi phí đào tạo trong thời gian này do nghiên cứu sinh chi trả hoặc do đơn vị cử đi học hỗ trợ nếu có điều kiện.

Điều 18. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh và các quy định tại điều 16 của quy chế này, phòng Đào tạo sau đại học phối hợp với Khoa/Bộ môn chuyên môn đề xuất các học phần bổ sung cần thiết; các học phần ở trình độ tiến sĩ thiết thực với chuyên ngành và lĩnh vực đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng Đào tạo Sau đại học trình phê duyệt kế hoạch học tập theo đề xuất của Khoa/Bộ môn chuyên môn và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện.

2. Căn cứ chương trình đào tạo của từng nghiên cứu sinh đã được phê duyệt, phòng Đào tạo sau đại học bố trí cho nghiên cứu sinh liên hệ Khoa/Bộ môn chuyên môn để thực hiện kế hoạch học tập theo đúng quy định.

3. Tổ chức học tập chương trình thạc sĩ: nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ/bác sĩ nội trú/chuyên khoa cấp II hoặc có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành khác với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, phải đăng ký học và thi các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ tương ứng cùng thời gian học với các lớp, khóa đào tạo thạc sĩ của Nhà trường. Thời hạn hoàn thành các học phần trong chương trình thạc sĩ là 18 tháng kể từ ngày có quyết định trúng tuyển nghiên cứu sinh.

4. Tổ chức học tập các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ tiến sĩ:

a) Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp, cần học bổ sung các học phần theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu. Với những học phần có nội dung trùng hoặc gần trùng với học phần tương ứng trong chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh có thể đăng ký học cùng với các lớp, khóa cao học cùng chuyên ngành. Đối với những học phần còn lại, nghiên cứu sinh làm đơn đăng ký học theo kế hoạch riêng và nộp Phòng Đào tạo Sau đại học để giải quyết. Thời hạn hoàn thành các học phần bổ sung là 12 tháng kể từ ngày có quyết định trúng tuyển nghiên cứu sinh;

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành các học phần trong chương trình thạc sĩ hoặc các học phần bổ sung mới được đăng ký tham dự các học phần ở trình độ tiến sĩ.

c) Học phần trình độ tiến sĩ đạt và được tích lũy khi có kết quả từ điểm 6,5 (C⁺)

trở lên, học phần bổ sung trình độ thạc sĩ được tích lũy khi có kết quả từ điểm 5,5 (C) trở lên.

5. Tổ chức thực hiện chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:

a) Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan được nghiên cứu sinh thực hiện bằng cách tự học, tự nghiên cứu để viết chuyên đề, tiểu luận dưới sự hỗ trợ của người hướng dẫn được phân công. Chuyên đề thuộc chuyên ngành cơ sở hoặc không phù hợp với chuyên môn của người hướng dẫn khoa học luận án thì nghiên cứu sinh có thể đề xuất người hướng dẫn chuyên đề phù hợp;

b) Nội dung và hình thức chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan theo quy định của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

d) Tổ chức và đánh giá chuyên đề tiến sĩ:

+ Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan do khoa/Bộ môn chuyên môn đề xuất và hồ sơ gửi về Phòng Đào tạo Sau đại học đề nghị thành lập hội đồng bao gồm: đơn xin bảo vệ chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh; công văn đề nghị thành phần hội đồng chấm chuyên đề, tiểu luận tổng quan; quyển chuyên đề, tiểu luận tổng quan. Toàn bộ hồ sơ phải được Trưởng Khoa/Bộ môn chuyên môn thông qua;

+ Mỗi chuyên đề, tiểu luận cần thành lập hội đồng đánh giá riêng. Hội đồng chấm chuyên đề tiến sĩ có 3-5 thành viên; hội đồng chấm tiểu luận tổng quan gồm 05 thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên là người ngoài trường; người hướng dẫn chuyên đề, tiểu luận không được làm chủ tịch hoặc thư ký hội đồng. Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, Phòng Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng xem xét, ra quyết định thành lập hội đồng chấm chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan cho nghiên cứu sinh;

+ Tổ chức hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan: chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định thành lập hội đồng, Khoa/Bộ môn chuyên môn phải tổ chức hội đồng chấm chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan cho nghiên cứu sinh. Ít nhất 7 ngày trước khi tổ chức hội đồng, khoa/Bộ môn chuyên môn phải gửi giấy mời tham gia hội đồng, quyết định thành lập hội đồng, thuyết minh báo cáo chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh tới các thành viên hội đồng, gửi giấy mời cho các cán bộ khoa học tham dự.

+ Điểm chuyên đề tiến sĩ là trung bình cộng điểm của các thành viên hội đồng có mặt tham gia buổi đánh giá. Kết quả đánh giá chuyên đề phải được lập thành biên bản, hồ sơ đánh giá chuyên đề tiến sĩ được nộp cho Phòng Đào tạo Sau đại học chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày tổ chức hội đồng. Điểm chấm chuyên đề và tiểu luận tổng quan được đánh giá theo thang điểm 10 điểm đạt là điểm 6,5 (C⁺) trở lên.

6. Nghiên cứu sinh có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định của cơ sở đào tạo sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh.

Trong trường hợp này, nghiên cứu sinh là người chưa có bằng thạc sĩ, có thể làm đơn xin chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng thạc sĩ nếu được Hiệu trưởng chấp nhận. Kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải tương đương với chuẩn luận văn thạc sĩ của chuyên ngành đào tạo thạc sĩ tương ứng, được khoa/Bộ môn chuyên môn đánh giá công nhận. Phòng Đào tạo Sau đại học tập hợp hồ sơ, kết quả học tập, nghiên cứu, đơn đề nghị của nghiên cứu sinh trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định cấp bằng thạc sĩ cho các trường hợp chưa có bằng thạc sĩ mà không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh.

Điều 19. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách và chuyển cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện chậm nhất 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh phải có đơn trình bày lý do thay đổi đề tài, có ý kiến đề nghị của người hướng dẫn khoa học và Khoa/Bộ môn chuyên ngành, kèm theo đề cương hướng nghiên cứu mới (có chữ ký xác nhận của Khoa/Bộ môn và người hướng dẫn khoa học). Phòng Đào tạo Sau đại học đề xuất Hội đồng, trình Hiệu trưởng phê duyệt và ra Quyết định Hội đồng thông qua đề cương nghiên cứu mới. Phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức thông qua đề cương mới cho nghiên cứu sinh và trình Hiệu trưởng ra Quyết định thay đổi đề tài cho nghiên cứu sinh nếu đề cương được thông qua.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn thực hiện chậm nhất một năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án. Nghiên cứu sinh phải có đơn đề nghị bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn khoa học (trình bày lý do bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn), văn bản này phải có chữ ký của nghiên cứu sinh, ý kiến của người hướng dẫn khoa học (đã được phân công), ý kiến của Khoa/Bộ môn chuyên môn phụ trách và ý kiến đồng ý của người hướng dẫn được đề nghị bổ sung hoặc thay đổi mới. Hiệu trưởng xem xét, nếu cần thiết, phù hợp sẽ ra Quyết định bổ sung hay thay đổi người hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu sinh.

3. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ

sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra Quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo Quyết định công nhận nghiên cứu sinh của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

4. Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn, phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Trường. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường.

5. Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách sau đại học sẽ xem xét, quyết định cho phép bảo vệ luận án trước thời hạn khi nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng các điều kiện để được bảo vệ luận án quy định tại khoản 2 Điều 28 Quy chế này.

6. Khi nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi nghiên cứu sinh bảo vệ sớm trước thời hạn), Hiệu trưởng có văn bản thông báo cho đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của nghiên cứu sinh trong quá trình học tập tại Trường.

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh không hoàn thành đúng hạn

a) Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, nghiên cứu sinh vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại Trường trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được người hướng dẫn khoa học, Hiệu trưởng trường đào tạo đồng ý.

Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 6 năm (72 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Quá thời gian này, nghiên cứu sinh không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

b) Chỉ xem xét đơn xin bảo vệ luận án tiến sĩ cho những nghiên cứu sinh đã có đủ điều kiện:

- Tên đề tài, nội dung luận án, mã số chuyên ngành, người hướng dẫn khoa học không thay đổi;

- Nghiên cứu sinh phải tự túc toàn bộ kinh phí hoàn thành và bảo vệ luận án cấp cơ sở và cấp Trường.

c) Thủ tục bảo vệ luận án sau khi hết thời gian đào tạo như sau:

- Nghiên cứu sinh có đơn xin bảo vệ luận án tiến sĩ gửi Nhà trường, trong đó trình bày rõ lý do không bảo vệ đúng thời gian quy định, nội dung và kết quả nghiên cứu đạt được trong thời gian quá hạn;

- Công văn của cơ quan công tác gửi Trường đề nghị cho phép nghiên cứu sinh hoàn thiện và bảo vệ luận án; Nếu nghiên cứu sinh thuộc diện tự do phải có xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật của địa phương hoặc xác nhận của đơn vị y tế ngoài công lập nơi nghiên cứu sinh đang làm việc;

- Văn bản của người hướng dẫn khoa học có ý kiến của Khoa/Bộ môn chuyên môn gửi Trường đồng ý cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

- Phòng Đào tạo Sau đại học kiểm tra hồ sơ, kết quả học tập nghiên cứu, đơn xin bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh trình Hiệu trưởng xem xét.

- Việc tổ chức đánh giá luận án cấp Trường được thực hiện như đối với nghiên cứu sinh còn thời hạn học tập.

8. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ ở mức độ buộc thôi học.

Điều 20. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được

người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.

3. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của khoa/Bộ môn chuyên môn.

Nghiên cứu sinh cần có báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

Nghiên cứu sinh cần định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn và khoa/Bộ môn chuyên môn phụ trách ít nhất 2 lần một năm vào thời gian từ ngày 15 đến ngày cuối tháng của các tháng 6, 12; nộp báo cáo định kỳ có xác nhận của người hướng dẫn, khoa/Bộ môn chuyên môn cho Phòng Đào tạo Sau đại học trong thời gian nêu trên. Đây là tài liệu bắt buộc cần thiết để làm các thủ tục tiếp theo đối với nghiên cứu sinh.

4. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại Trường theo sự phân công của khoa/Bộ môn chuyên môn.

5. Vào đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp cho khoa/Bộ môn chuyên môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình trong năm học mới để khoa/Bộ môn chuyên môn xem xét đánh giá.

Hồ sơ báo cáo và đăng ký kế hoạch năm học mới có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn và khoa/Bộ môn chuyên môn cần được nộp cho Phòng Đào tạo Sau đại học chậm nhất vào ngày 15 tháng 9 hàng năm. Nghiên cứu sinh không nộp báo cáo, đăng ký chương trình học tập, nghiên cứu năm học mới và nộp học phí hàng năm theo quy định được coi là tự ý thôi học và Nhà trường sẽ làm thủ tục xóa tên trong danh sách nghiên cứu sinh của Trường.

6. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp trường trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

7. Tuân thủ quy định của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về liên chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

8. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Điều 21. Trách nhiệm của khoa/Bộ môn chuyên môn

1. Tổ chức đề hội đồng chấm đề cương nghiên cứu xét tuyển nghiên cứu sinh, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của thí sinh; lập biên bản đánh giá, xếp loại kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh trình Hiệu trưởng quyết định tuyển chọn.

2. Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; thông qua các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh đó.

3. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh, ít nhất mỗi tháng một lần, để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh giảng dạy; phân công hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập.

4. Quy định lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn khoa học; xếp lịch của khoa/Bộ môn chuyên môn nghe nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học, đảm bảo ít nhất 4 lần một năm. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng nghiên cứu sinh.

Trưởng khoa/Bộ môn chuyên môn cần đảm bảo tính xác thực trong đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về đánh giá này.

5. Đề xuất với Hiệu trưởng danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình, phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 28 của Quy chế này; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ

nghiên cứu sinh gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

6. Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

7. Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đồng thời thông qua Hiệu trưởng gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của nghiên cứu sinh.

8. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh tại đơn vị chuyên môn, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường.

Điều 22. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc học tập tại một cơ sở đào tạo khác;

c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo khác hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

Điều 23. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình nghiên cứu khoa học của mình.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng khoảng 120-150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

a) Phần mở đầu (Đặt vấn đề): giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài; 9

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

c) Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng trong luận án.

d) Kết quả: Mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm.

đ) Bàn luận: phải căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận án, so sánh đối chiếu với kết quả nghiên cứu của tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo, lý giải sự giống nhau cũng như sự khác biệt, đưa ra giải pháp cải thiện...

e) Kết luận và kiến nghị: trình bày những kết quả mới của luận án một cách ngắn gọn, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, không có lời bàn và bình luận thêm; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

g) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

h) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

i) Phụ lục (nếu có).

3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể, trong đó, tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Nhà trường các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

6. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà

nước tính điểm, có trong danh mục các tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích nghiên cứu sinh đăng bài trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được liệt kê tại địa chỉ <http://science.thomsonreuters.com/mjl/> hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

8. Luận án cần trình bày theo đúng mẫu quy định của Trường một cách khoa học, rõ ràng, mạch lạc; không tẩy xóa.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 24. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn

1. Việc đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn được tổ chức khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ những yêu cầu sau và yêu cầu bổ sung của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đối với từng chương trình đào tạo (nếu có):

a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;

c) Là tác giả chính của tối thiểu 01 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc 02 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

2. Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Trưởng khoa/Bộ môn chuyên môn đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn.

3. Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất 02 nhà khoa học ở ngoài cơ sở đào tạo. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một

trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng. Các thành viên của Hội đồng phải là người không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh,

4. Tổ chức đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn được quy định như sau:

a) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên phản biện của Hội đồng phải đọc luận án, các công trình khoa học của nghiên cứu sinh, viết và gửi nhận xét cho Phòng Đào tạo Sau đại học trước phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án ít nhất là 7 ngày. Các thành viên còn lại của Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

b) Ít nhất 7 ngày trước khi tổ chức Hội đồng, khoa/Bộ môn chuyên môn có trách nhiệm thông báo cho Phòng Đào tạo Sau đại học về thời gian, địa điểm tổ chức Hội đồng để Phòng Đào tạo Sau đại học thông báo trên trang web của Trường và làm các thủ tục chuẩn bị tiếp theo.

c) Khoa/Bộ môn chuyên môn có trách nhiệm gửi giấy mời tham gia Hội đồng, Quyết định thành lập Hội đồng, thuyết minh báo cáo luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh tới các thành viên Hội đồng.

d) Tổ chức buổi bảo vệ luận án tại đơn vị chuyên môn được thực hiện theo trình tự do Hiệu trưởng quy định.

5. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;

b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;

c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;

d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;

đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

6. Phiên họp đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn là một buổi sinh hoạt khoa học của khoa/Bộ môn chuyên môn, được tổ chức để các thành viên trong khoa/Bộ môn chuyên môn và những người quan tâm có thể tham dự. Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường, Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung. Trong trường hợp phải họp từ hai phiên trở lên, Hội đồng cần xác định rõ thời gian lần

họp tiếp theo.

Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được từ ba phần tư số thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

7. Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh và trình Hiệu trưởng quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến ít nhất 15 cơ quan, đơn vị và 50 cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Trường không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

8. Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

Điều 25. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Chậm nhất không quá 03 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện độc lập của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập.

khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

5. Trường phòng Đào tạo Sau đại học lập danh sách dự kiến người phản biện độc lập trình Hiệu trưởng. Sau khi xem xét về các tiêu chuẩn của người phản biện độc lập, Hiệu trưởng ký phê duyệt lựa chọn danh sách, Trường phòng Đào tạo Sau đại học trực tiếp gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; danh tính và thông tin cá nhân của người phản biện độc lập được bảo mật. Thời gian nhận lại các nhận xét của phản biện độc lập không quá 60 ngày tính từ ngày gửi hồ sơ cho người phản biện độc lập.

Điều 26. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường

1. Các điều kiện tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường được quy định như sau:

a) Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án cấp trường, nghiên cứu sinh đóng quyển luận án, in quyển tóm tắt luận án có ghi đầy đủ họ tên, học vị, nơi công tác của những người phản biện vào trang bìa quyển tóm tắt luận và nộp cho Phòng Đào tạo Sau đại học. Phòng Đào tạo Sau đại học có trách nhiệm gửi luận án, tóm tắt luận án đến các thành viên Hội đồng; luận án, tóm tắt luận án cần được trưng bày ở phòng đọc của thư viện Trường ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ. Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) phải được đăng tải công khai trên trang web của cơ sở đào tạo và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ duatin@moet.edu.vn) trước ngày bảo vệ 30 ngày, trừ các đề tài thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các đề tài bảo vệ mật.

b) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến cơ sở đào tạo 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

c) Sau khi xem xét, xác định đủ các điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ, Chủ tịch hội đồng thống nhất thời gian của buổi bảo vệ với các thành viên trong Hội

đồng. Chủ tịch hội đồng đề nghị Nhà trường thông báo công khai, rộng rãi thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh trên trang web của Trường, trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên bản tin của Trường và của khoa/Bộ môn chuyên môn, trên báo địa phương hoặc trung ương, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật).

Điều kiện để được đăng báo về buổi bảo vệ luận án cấp trường như sau:

- Có đủ ba bản nhận xét của ba phản biện và các bản nhận xét của các thành viên hội đồng;

- Có ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án của những nhà khoa học có học vị tiến sĩ trở lên hoặc có chức danh khoa học từ các cơ quan khác nhau và 10 bản nhận xét tóm tắt của cơ quan khác nhau gửi đến Trường.

d) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án.

Bản nhận xét luận án của các phản biện của Hội đồng cần nêu đầy đủ thông tin về đề tài, chuyên ngành và mã số của luận án, thông tin về người phản biện. Nội dung của bản nhận xét phải nêu ý kiến đánh giá về các vấn đề trình bày trong luận án, kết luận về mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ quy định tại Điều 19 của Quy chế; bản tóm tắt luận án phản ánh trung thành nội dung cơ bản của luận án hay không; luận án có thể đưa ra bảo vệ để nhận học vị hay không.

đ) Hội đồng đánh giá luận án cấp trường chỉ họp sau khi nhận được ít nhất 15 bản nhận xét của các nhà khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án, ít nhất 10 bản nhận xét tóm tắt của cơ quan khác nhau và nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

2. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án cấp trường nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Vắng mặt chủ tịch hội đồng;

b) Vắng mặt thư ký hội đồng;

c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;

d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;

đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường họp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

3. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định). Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

4. Trong thời hạn tối đa là 03 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 7 Điều 22 và khoản 2 Điều 30 của Quy chế này. Hiệu trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án lần đầu. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của NCS.

Điều 27. Đánh giá luận án tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng gồm có 07 thành viên, trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tối thiểu là 02 người;

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và 01 phản biện là người ngoài Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; phản biện không được là

đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng.

3. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ quyết định bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật);

b) Trường hợp Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

c) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thực hiện; nghiên cứu sinh và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

4. Để tiến hành bảo vệ luận án cấp trường, thư ký hội đồng cần chuẩn bị đầy đủ các văn bản sau:

a) Các hồ sơ thể hiện quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Bản tổng hợp các nhận xét của các thành viên (không phải là phản biện) của hội đồng chấm luận án cấp trường và các nhận xét tóm tắt luận án của các cơ quan và các nhà khoa học gửi đến hội đồng;

c) Mẫu biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

d) Dự thảo nghị quyết của hội đồng.

5. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự

hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản do Thư ký hội đồng ghi, được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

Trình tự phiên họp đánh giá luận án cấp trường theo quy định của Hiệu trưởng.

6. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

7. Quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ quy định chi tiết việc đánh giá luận án trong đó bao gồm: yêu cầu đối với nghiên cứu sinh trước khi đánh giá luận án; quy trình thành lập Hội đồng đánh giá luận án, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng; việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng và quy trình tổ chức đánh giá luận án trực tuyến và trực tiếp của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Sau khi đánh giá, người bỏ phiếu có thể xem xét đánh giá luận án đạt loại xuất sắc hay không. Luận án được đánh giá xuất sắc nếu đạt được một trong các tiêu chí:

a) Luận án có giá trị cao về khoa học, có đóng góp đáng kể trong việc bổ sung, phát triển và làm phong phú thêm kiến thức lý thuyết của khoa học chuyên ngành, được thể hiện qua các bài báo đã công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín về chất lượng ở trong và ngoài nước;

b) Luận án có giá trị khoa học và thực tiễn, kết quả của luận án đã được ứng dụng trên diện rộng và được đánh giá cao.

8. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;

b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;

c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;

d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;

- d) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
- e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;
- g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

9. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh để lưu tại Phòng Đào tạo Sau đại học, Thư viện Trường và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 28. Đánh giá lại luận án tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Hiệu trưởng bổ sung thành viên khác thay thế.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất.

3. Không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

4. Quá thời hạn 24 tháng kể ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.

5. Thủ tục và trình tự tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ lại luận án được quy định như sau:

a) Ngoài các hồ sơ cần thiết như lần bảo vệ thứ nhất, Khoa/Bộ môn chuyên môn cần có văn bản tường trình Nhà trường về quá trình bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện luận án và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ lần thứ hai.

b) Thủ tục và trình tự bảo vệ luận án lần thứ hai giống như lần bảo vệ đầu.

Điều 29. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của Trường

Đại học Y Dược Cần Thơ đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);


đ) Những tài liệu khác theo quy định của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

5. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 30. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau: 

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và những quy định có liên quan;

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh; hồ sơ buổi đánh giá luận án tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

b) Trường Đại học Y Dược Cần Thơ gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 31. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được áp dụng cho nghiên cứu sinh theo quy định;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế này và quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được áp dụng cho nghiên cứu sinh;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; ủy quyền Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho phép nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định

công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy chế này; luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Xây dựng và thực hiện quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

1. Căn cứ Quy chế này và những quy định hiện hành khác có liên quan, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; cụ thể hóa với yêu cầu ngang bằng hoặc cao hơn nhưng không trái với những quy định của Quy chế này;

b) Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

c) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

d) Tăng cường liêm chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

đ) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

e) Có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hằng năm việc thực hiện quy chế

của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ;

g) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho nghiên cứu sinh trước khi bắt đầu khóa học quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh;

h) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 33. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của nghiên cứu sinh theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong 02 tháng trước đó; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

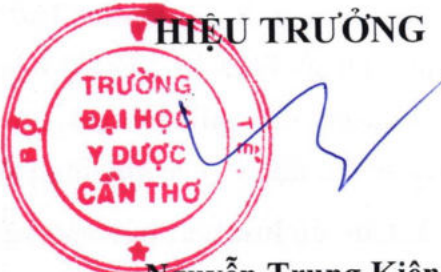
a) Quy chế của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 34. Điều khoản chuyển tiếp:

1. Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ quyết định việc áp dụng khoản 2 Điều 5, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 của Quy chế này đối với khóa đã tuyển sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Kiên

Phụ lục I

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	04 - 06 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố,...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	Luận án và các bài công bố,...

Lưu ý: phân in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

Phụ lục II

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên